



CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
NHÀ MÁY PHÂN BÓN HỮU CƠ SEPON
Địa chỉ: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3852.513 - Fax: 0233 3852695

Quảng Trị, ngày 01 tháng 07 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Khách hàng

Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon là chi nhánh của Công ty CP Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: “Nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, công, hàng rào, san nền, sân bãi” tại Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon, KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon trân trọng kính mời các Công ty có đủ năng lực tham gia chào giá hạng mục nêu trên.

1. Thông tin yêu cầu chào giá

Thông tin yêu cầu chào giá căn cứ theo hồ sơ yêu cầu chào giá và bản vẽ thiết kế thi công hạng mục kèm theo.

2. Yêu cầu về chào giá

- Thời gian phát hành thư mời chào giá và hồ sơ yêu cầu chào giá từ ngày 01/07/2024 đến ngày 04/07/2024.

- Thời gian nộp hồ sơ chào giá của nhà thầu: **Trước 15 giờ 00 phút ngày 05/07/2024.**

3. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ và thông tin

Quý khách hàng vui lòng nhận hồ sơ yêu cầu chào giá, bản vẽ thiết kế kèm theo và nộp hồ sơ chào giá đến địa chỉ:

- Văn phòng đại diện của Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon – 01 Phan Bội Châu, phường 1, Đông Hà, Quảng Trị.

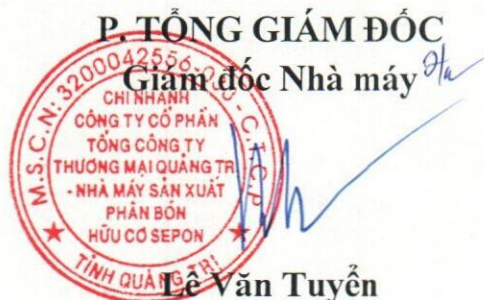
- Số điện thoại: 0905.814.123 (Chị Hà).

Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon rất mong nhận được sự tham gia của Quý công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: DA



Lê Văn Tuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
NHÀ MÁY PHÂN BÓN HỮU CƠ SEPON
VP đại diện địa chỉ: 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3851 151 - Fax: 0233 3852695

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Gói thầu: NHÀ VẮN PHÒNG, NHÀ BẢO VỆ, NHÀ ĐÈ XE,
CÔNG, HÀNG RÀO, SAN NỀN, SÂN BÃI.

Thuộc dự án: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon – Giai đoạn 1

Địa điểm: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị, ngày 01 tháng 07 năm 2024

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Giám đốc Nhà máy *Ha*



Lê Văn Tuyền

Tháng 7 năm 2024

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị
2. Tên bên mời thầu là: Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu: Nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, cổng, hàng rào, san nền, sân bãi, thuộc dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Thời gian thực hiện gói thầu: **90 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập; Có chứng nhận đăng ký thuế.
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

Mục 4. Thành phần của hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu.
4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Mục 5. Đơn chào giá và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào giá và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá

trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **60 ngày**, kể từ ngày báo giá.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp hồ sơ chào giá bao gồm: **01 bản gốc, 1 chụp** trực tiếp, hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Nhà máy tinh bột sắn Hương Hóa, không muộn hơn **15 giờ ngày 05/07/2024**.

Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có hồ sơ chào giá đầy đủ như quy định tại mục 4 bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất trong các đơn vị cùng chào giá và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự theo đường bưu điện, fax.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi thực hiện hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **3% giá trị hợp đồng.**

Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi có biên bản nghiệm thu bàn giao gói thầu đưa vào sử dụng và bắt đầu chuyển sang chế độ bảo hành.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B trong thời hạn ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi gói thầu được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Nhà thầu chào giá theo khối lượng thi công của hạng mục như sau:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	NHÀ ĐIỀU HÀNH		
	PHẦN XÂY DỰNG		
1	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³	1,393
2	Đào móng bằng máy đào 0,4m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³	0,171
3	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m ²	0,644
4	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, B7.5, đá 4x6	m ³	12,126
5	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	22,225
6	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao ≤28m	100m ²	2,081
7	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD ≤0,1m ² , chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	10,999
8	Ván khuôn dầm, giằng móng	100m ²	1,911
9	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, xà dầm, giằng, chiều cao ≤28m	100m ²	3,389
10	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	41,343
11	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, sàn mái, chiều cao ≤28m	100m ²	0,631
12	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m ³	6,310
13	Lắp dựng cốt thép, ĐK ≤10mm	tấn	0,402
14	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn	0,046
15	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	tấn	0,561
16	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	1,231
17	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	1,261
18	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	4,838
19	Gia công vì kèo thép hộp mạ kẽm khẩu độ nhỏ, khẩu độ ≤18m	tấn	1,848
20	Lắp vì kèo thép khẩu độ ≤18m	tấn	1,848
21	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m ²	130,800
22	Xây tường bờ lô 15x20x30cm, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	20,072
23	San và lấp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	1,043
24	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	2,843
25	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M100, đá 2x4, PCB40	m ³	65,474
26	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công,	m ³	2,808

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	B12.5, đá 2x4, PCB40		
27	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M250, đá 4x6, PCB40	m3	22,330
28	Lát nền gạch Granit KT: 600x600, màu sáng, vữa XM M75, PCB40	m2	637,220
29	Ốp chân tường gạch nền cắt 5 KT: 120x600, vữa XM M75, PCB40	m2	20,700
30	Lát nền WC gạch Granit chống trơn KT: 600x600, màu sáng, vữa XM M75, PCB40	m2	48,720
31	Ốp tường WC gạch Granit màu sáng KT: 300x600, vữa XM M75, PCB40	m2	126,792
32	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	28,080
33	Cắt khe co dãn KT: 5000x5000 bằng máy cắt	10m	3,050
34	Lát đá granit màu xám bậc tam cấp, vữa XM M75, PCB40	m2	36,863
35	Xây tường bằng gạch nung 4 lỗ 9,5x9,5x20cm câu gạch đặc 6x10x20cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75	m3	76,221
36	Xây tường bằng gạch nung 4 lỗ 9,5x9,5x20cm câu gạch đặc 6x10x20cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75	m3	32,648
37	Xây tường thẳng bằng gạch đặc 6x10x20cm - Chiều dày ≤30cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, PCB40	m3	13,578
38	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	525,185
39	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	580,793
40	Trát trụ cột, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	157,080
41	Trát xà dầm, vữa XM M75	m2	225,752
42	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	63,100
43	Đắp gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	129,000
44	Trát gờ giọt nước, vữa XM M75	m	129,000
45	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	917,217
46	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	634,693
47	Quét dung dịch KOVA CT11A + xi măng chống thấm mái	m2	88,900
48	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75	m2	88,900
49	Quét nước xi măng 2 nước	m2	88,900
50	Gia công xà gồ thép hộp mạ kẽm	tấn	2,374
51	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	2,374
52	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	21,600
53	Lợp mái tôn sóng vuông màu vàng xanh lam dày 0,5mm	100m2	8,001
54	Ke chống bão 3 cái/m	cái	3.105,000
55	Trần la phong khung xương nổi	m2	675,700
56	Đắp chữ LOGO	bộ	1,000
57	Vách ngăn WC bằng tấm Compact HPL dày 12mm phụ kiện inox 304	m2	45,436
58	Gia công, lắp đặt bàn đỡ bệ lavabo	m2	4,320
59	Cửa đi mở quay (1 cánh, 2 cánh, 4 cánh), dùng nhôm Nam Sung hệ 55 dày 2,0ly kính an toàn 6,38mm. Phụ	m2	25,668

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	kiện: Huy Hoàng đồng bộ, khóa đơn điểm (đa điểm), 3 bản lề 4D (trên 1 cánh) hoặc phụ kiện đồng bộ Kinlong.		
60	Cửa sổ lùa (2 cánh, 3 cánh, ...) dùng nhôm Nam Sung hệ 55 dày 1,4ly; kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện: Huy Hoàng đồng bộ, bánh xe cửa lùa, khóa bán nguyệt, hoặc phụ kiện đồng bộ Kinlong.	m2	26,880
61	Cửa sổ mở hất dùng nhôm Nam Sung hệ 55 dày 1,4ly; kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện: Huy Hoàng đồng bộ, bản lề, khóa bán nguyệt, hoặc phụ kiện đồng bộ Kinlong.	m2	0,720
62	Vách kính cố định dùng nhôm Nam Sung hệ 55 dày 1,4ly, kính an toàn 6,3 8mm hoặc kính cường lực 8mm.	m2	14,400
63	Gia công + lắp dựng hoa sắt cửa sổ	m2	36,480
64	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	100m2	5,972
	BÊ TỤ HOAI		
65	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng $\leq 6m$ - Cấp đất III	100m ³	0,244
66	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,034
67	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, B7.5, đá 4x6	m ³	1,031
68	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, B20, đá 1x2	m ³	1,546
69	Xây tường bờ lô 15x20x30cm, vữa XM M75	m ³	6,215
70	Xây tường thẳng bằng gạch đặc 6x10x20cm - Chiều dày $\leq 10cm$, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, PCB40	m ³	0,036
71	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,066
72	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2	m ³	0,679
73	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn kim loại, ván khuôn tấm đan	100m ²	0,039
74	Bê tông tấm đan, bê tông B20, đá 1x2	m ³	0,873
75	Lắp đặt tấm đan bằng cần cẩu	1 cấu kiện	8,000
76	Lắp đặt tấm đan bằng thủ công	1 cấu kiện	1,000
77	Trát tường trong dày 1cm, vữa XM M75 (lớp 1)	m ²	25,047
78	Trát tường trong dày 1cm, vữa XM M75 (lớp 2)	m ²	25,047
79	Trát tường trong dày 1cm, vữa XM M75 (lớp 3)	m ²	25,047
80	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75	m ²	23,329
81	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75	m ²	4,568
82	Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10mm$	tấn	0,062
83	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,031
84	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,008
85	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, $\text{ĐK} \leq 10mm$	tấn	0,052
86	Đắp đất nền móng công trình	m ³	7,719
	PHẦN ĐIỆN		
87	Đèn tuýp Led đôi 1,2m gắn trần 2 bóng LED T8-36W/220V	bộ	30,000

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
88	Đèn tuýp Led đơn 1,2m gắn trần 1 bóng LED T8-18W/220V	bộ	8,000
89	Đèn Led ốp trần KT250x250mm - 12W	bộ	8,000
90	Quạt trần đảo chiều- 54,5W/220V+Hộp công tắc quạt trần	cái	21,000
91	Mặt ổ cắm hỗn hợp đôi tròn - dẹt ba châu 16A + đế âm tường	cái	26,000
92	Mặt công tắc 1 nút bấm 10A + đế âm tường	cái	5,000
93	Mặt công tắc 2 nút bấm 10A + đế âm tường	cái	9,000
94	Áp tô mát 1 pha 2 cực MCB 30A + đế âm tường	cái	2,000
95	Áp tô mát 1 pha 2 cực MCB 20A + đế âm tường	cái	1,000
96	Tủ sơn tĩnh điện KT400x300x150mm	cái	1,000
97	Áp tô mát 3 pha MCCB 50A	cái	1,000
98	Áp tô mát 3 pha MCB 30A	cái	2,000
99	Áp tô mát 1 pha MCB 30A	cái	3,000
100	Áp tô mát 1 pha MCB 20A	cái	2,000
101	Dây điện VC-1x1,5mm ²	m	1.260,000
102	Dây điện VC-1x2,5mm ²	m	212,000
103	Dây điện VC-1x4mm ²	m	618,000
104	Dây điện VC-1x6mm ²	m	120,000
105	Dây điện CV-1x10mm ²	m	
106	Cáp ngầm CXV/DSTA-4x10mm ²	100m	
107	Ống nhựa SP D16	m	315,000
108	Ống nhựa SP D16	m	315,000
109	Ống nhựa SP D20	m	176,000
110	Ống nhựa SP D20	m	176,000
111	Ống nhựa HDPE D40/50	100 m	0,160
112	Băng dính cách điện	cuộn	5,000
PHẦN CẤP, THOÁT NƯỚC TRONG NHÀ			
Cấp nước			
113	Ống nhựa PPR PN10 D32	100m	0,080
114	Ống nhựa PPR PN10 D25	100m	0,080
115	Ống nhựa PPR PN10 D20	100m	0,040
116	Ống nhựa cứng uP.V.C Class 2 D34	100m	0,060
117	Van nhựa PPR D32	cái	1,000
118	Van nhựa PPR D20	cái	13,000
119	Tê nhựa PPR D32x32	cái	2,000
120	Tê nhựa PPR D32x20	cái	1,000
121	Tê nhựa PPR D25x20	cái	12,000
122	Tê nhựa PPR D20x20	cái	15,000
123	Côn nhựa PPR D25x20	cái	1,000
124	Cút nhựa PPR 90o D32	cái	8,000
125	Cút nhựa PPR 90o D25	cái	17,000
126	Cút nhựa PPR 90o D20	cái	30,000
127	Cút nhựa PPR 90o ren trong D20	cái	9,000
128	Cút nhựa cứng u.PVC - 135o D34	cái	4,000
129	Măng song nhựa PPR D32	cái	3,000
130	Măng song nhựa PPR D25	cái	10,000
131	Măng song nhựa PPR D20	cái	15,000

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
132	Rắc co nhựa PPR D32	cái	3,000
133	Rắc co nhựa PPR D25	cái	10,000
134	Rắc co nhựa PPR D20	cái	15,000
135	Vòi xịt xí	cái	7,000
136	Chậu rửa men sứ trắng âm bàn	bộ	6,000
137	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	6,000
138	Lắp đặt gương soi	cái	6,000
	Thoát nước		
139	Ống nhựa cứng uP.V.C Class 2 D140	100m	0,080
140	Ống nhựa cứng uP.V.C Class 2 D110	100m	0,060
141	Ống nhựa cứng uP.V.C Class 2 D75	100m	0,080
142	Ống nhựa cứng uP.V.C Class 2 D60	100m	0,120
143	Ống nhựa cứng uP.V.C Class 2 D48	100m	0,060
144	Tê Y nhựa cứng -135o D110x110	cái	6,000
145	Tê Y nhựa cứng -135o D110x60	cái	1,000
146	Tê Y nhựa cứng -135o D75x60	cái	1,000
147	Tê Y nhựa cứng -135o D75x48	cái	9,000
148	Tê Y nhựa cứng -135o D60x48	cái	2,000
149	Tê Y nhựa cứng -90o D110x110	cái	4,000
150	Tê Y nhựa cứng -90o D60x60	cái	2,000
151	Cút nhựa cứng -135o D110	cái	16,000
152	Cút nhựa cứng -135o D90	cái	2,000
153	Cút nhựa cứng -135o D75	cái	3,000
154	Cút nhựa cứng -135o D60	cái	16,000
155	Cút nhựa cứng -135o D48	cái	14,000
156	Cút nhựa cứng -90o D110	cái	2,000
157	Cút nhựa cứng -90o D60	cái	2,000
158	Cút nhựa cứng -90o D48	cái	12,000
159	Côn nhựa cứng D75x60	cái	1,000
160	Côn nhựa cứng D60x48	cái	2,000
161	Bịt đầu nhựa cứng D75	cái	2,000
162	Xí bột men sứ trắng trộn bộ	bộ	7,000
163	Tiêu nam men sứ trắng + vòi xả ấn tay	bộ	4,000
164	Con thỏ ngăn mùi gắn phễu thu	cái	4,000
165	Móc giấy vệ sinh	cái	7,000
166	Phễu thu nước inox vuông KT: 90x90	cái	4,000
	NHÀ BẢO VỆ		
	PHẦN XÂY DỰNG		
1	Đào móng bằng máy đào 1,25m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³	0,127
2	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m ³	1,770
3	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,059
4	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, B7.5, đá 4x6	m ³	1,156
5	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	1,813
6	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m ²	0,141
7	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD	m ³	0,749

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	≤0,1m ² , chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40		
8	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,433
9	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	3,213
10	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,099
11	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m ³	0,990
12	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,251
13	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,425
14	Xây tường bờ lô 15x20x30cm, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	1,280
15	San và lấp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	0,101
16	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	0,031
17	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, B7.5, đá 2x4	m ³	1,916
18	Xây tường thẳng bằng gạch nung 6 lỗ 9,5x14x20cm - Chiều dày >10cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75	m ³	6,041
19	Xây tường thẳng bằng gạch đặc 6x10x20cm - Chiều dày ≤10cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75	m ³	0,791
20	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75	m ²	50,010
21	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75	m ²	42,490
22	Trát xà dầm, vữa XM M75, treo hồ dầu xi măng	m ²	35,205
23	Trát trần, vữa XM M75, treo hồ dầu xi măng	m ²	9,900
24	Trát gờ giọt nước, vữa XM M75	m	22,600
25	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	95,115
26	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	42,490
27	Lát nền, sàn gạch Ceramic KT:600x600, vữa XM M75	m ²	20,115
28	Óp tường gạch lát nền viên 600x600 cắt 5, vữa XM M75, PCB40	m ²	2,340
29	Quét dung dịch KOVA CT11A + xi măng	m ²	14,260
30	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75	m ²	14,260
31	Gia công xà gỗ thép hộp mạ kẽm	tấn	0,114
32	Lắp dựng xà gỗ thép	tấn	0,114
33	Lợp mái tôn sóng vuông màu xanh lam dày 0,5mm	100m ²	0,313
35	Trần la phong khung xương nổi	m ²	18,000
36	Cửa đi mở quay (1 cánh, 2 cánh, 4 cánh), dùng nhôm Nam Sung hệ 55 dày 2,0ly kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện: Huy Hoàng đồng bộ, khóa đơn điểm (đa điểm), 3 bản lề 4D (trên 1 cánh) hoặc phụ kiện đồng bộ Kinlong.	m ²	2,070
37	Cửa sổ lùa (2 cánh, 3 cánh, ...) dùng nhôm Nam Sung hệ 55 dày 1,4ly; kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện: Huy Hoàng đồng bộ, bánh xe cửa lùa, khóa bán nguyệt, hoặc	m ²	6,900

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	phụ kiện đồng bộ Kinlong.		
38	Gia công + lắp dựng hoa sắt cửa sổ	m2	6,900
39	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	100m2	0,746
	PHẦN ĐIỆN		
40	Đèn tuýp Led đơn 1,2m gắn trần 1 bóng LED T8-18W/220V	bộ	2,000
41	Quạt trần đảo chiều- 54,5W/220V	cái	1,000
42	Mặt ổ cắm hỗn hợp đôi tròn - dẹt ba châu 16A + đế âm tường	cái	2,000
43	Mặt công tắc 2 nút bấm 10A + đế âm tường	cái	1,000
44	Hộp công tắc quạt trần	cái	1,000
45	Áp tô mát 1 pha 2 cực MCB 30A	cái	1,000
46	Áp tô mát 1 pha 1 cực MCB 20A	cái	2,000
47	Tủ điện vỏ nhựa có nắp che (10 Modul)	cái	1,000
48	Dây điện VC-1x1,5mm2	m	32,000
49	Dây điện VC-1x2,5mm2	m	64,000
50	Ống nhựa SP D16	m	16,000
51	Ống nhựa SP D20	m	24,000
	NHÀ ĐÈ XE		
	PHẦN XÂY DỰNG		
1	Đào móng bằng máy đào 1,25m3, chiều rộng móng $\leq 6m$ - Cấp đất III	100m3	0,653
2	Ván khuôn thép móng cột	100m2	0,255
3	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, B7.5, đá 4x6	m3	2,772
4	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	6,336
5	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao $\leq 28m$	100m2	0,370
6	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, TD $> 0,1m^2$, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	5,940
7	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK $\leq 10mm$	tấn	0,454
8	Bulong M20x700	cái	88,000
9	Gia công cột bằng thép ống mạ kẽm	tấn	0,678
10	Gia công cột bằng thép tấm	tấn	0,301
11	Lắp cột thép các loại	tấn	0,979
12	Gia công xà gỗ, vì kèo thép hộp mạ kẽm	tấn	0,896
13	Lắp dựng xà gỗ, vì kèo thép hộp	tấn	0,896
14	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	60,383
15	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	0,368
16	Lót bạt sọc xanh đỏ chống mất nước xi măng	100m2	3,991
17	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, B7.5, đá 2x4, PCB40	m3	33,770
18	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, B12.5, đá 2x4, PCB40	m3	6,140
19	Lát gạch Terrazzo KT: 400x400, vữa XM M75, PCB40	m2	399,100
20	Đào móng bằng máy đào 0,4m3, chiều rộng móng $\leq 6m$ - Cấp đất III	100m3	0,098
21	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công,	m3	2,456

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M100, đá 4x6, PCB30		
22	Xây tường bờ lô 15x20x30cm, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	8,596
23	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	0,501
24	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	39,920
25	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	39,920
26	Lợp mái tôn sóng vuông màu xanh dày 0,42mm	100m ²	3,920
27	Ke chống bão 3 cái/m	cái	1.289,400
	PHẦN ĐIỆN		
28	Đèn tuýp Led đơn 1,2m gắn trần 1 bóng LED T8-18W/220V	bộ	10,000
29	Áp tô mát 1 pha 2 cực MCB 20A + đế lắp nổi	cái	1,000
30	Dây điện CXV/DSTA-2x2,5mm ²	m	40,000
31	Dây điện VC-1x1,5mm ²	m	20,000
32	Dây điện VC-1x2,5mm ²	m	124,000
33	Ống nhựa SP D20	m	62,000
	CÔNG, HÀNG RÀO		
1	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng $\leq 6\text{m}$ - Cấp đất III	100m ³	1,882
2	Đào móng bằng máy đào 0,4m ³ , chiều rộng móng $\leq 6\text{m}$ - Cấp đất III	100m ³	0,873
3	Ván khuôn móng cột	100m ²	1,492
4	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, B7.5, đá 4x6	m ³	22,078
5	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, B15, đá 1x2	m ³	16,856
6	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao $\leq 28\text{m}$	100m ²	3,641
7	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, B15, đá 1x2	m ³	18,208
8	Ván khuôn dầm, giằng móng	100m ²	2,038
9	Bê tông xà dầm, giằng móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, B15, đá 1x2	m ³	17,933
10	Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$	tấn	0,701
11	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,564
12	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	1,314
13	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,274
14	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	1,403
15	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	1,837
16	Xây tường bờ lô 15x20x30cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75	m ³	41,012
17	Xây tường thẳng bằng gạch KN 6 lỗ 9,5x14x20cm - Chiều dày $> 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PCB40	m ³	112,085
18	Xây tường thẳng bằng gạch KN 6x10x20cm - Chiều dày	m ³	2,229

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	≤30cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, PCB40		
19	Xây cột, trụ bằng gạch nung đặc 6x10x20cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, PCB40	m3	1,010
20	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	1.702,011
21	Trát trụ cột, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	202,275
22	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	116,800
23	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	1.906,622
24	Óp tấm mica màu đen bóng vào bảng hiệu	m2	11,973
25	Bộ chữ MICA dày 10 màu xanh (báo giá hoàn thiện trọn gói)	bộ	1,000
26	Gia công, lắp dựng hàng rào lưới thép D5 đan ô 150x150 trọng lượng 2,07kg/m2	m2	140,910
27	Gia công, lắp dựng hàng rào lưới thép gai xoắn vòng theo thiết kế	m2	121,080
28	Công inox 304 cao 1,8m	md	12,000
29	Bộ chuyển động có điều khiển từ xa gồm: Mô tơ điện, hệ thống điều khiển từ xa, điều khiển bàn tại phòng bảo vệ, bánh xe bằng cao su,...	bộ	1,000
30	Bảng hiển thị	bộ	1,000
SAN NỀN			
1	Đào san đất bằng máy đào 1,25m3 - Cấp đất I	100m3	24,485
2	Vận chuyển đất đổ đi bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cụ ly vận chuyển trong phạm vi 1km đường loại 3	10m3/1km	279,129
3	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cụ ly vận chuyển (0,5+3,6)km tiếp theo trong phạm vi ≤10km đường loại 3	10m3/1km	279,129
4	Vận chuyển đất đổ đi bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cụ ly vận chuyển 4,8km tiếp theo trong phạm vi ≤10km đường loại 1	10m3/1km	279,129
5	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cụ ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi ≤60km đường loại 4	10m3/1km	279,129
6	Đào san đất bằng máy đào 1,25m3 - Cấp đất III (tận dụng đất đào để đắp)	100m3	18,540
7	San đầm đất bằng máy lu bánh thép 16T, độ chặt Y/C K = 0,9	100m3	18,540
8	San đầm đất bằng máy lu bánh thép 16T, độ chặt Y/C K = 0,9	100m3	33,689
9	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,90 (gia cố đất)	100m3	62,565
SÂN BÃI			
10	Lót bạt sọc xanh đỏ chống mất nước xi măng	100m2	24,360
11	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M250, đá 4x6, PCB40	m3	487,200
12	Thi công khe giãn	m	49,350
13	Thi công khe co	m	444,150
HỒ ĐIỀU HÒA			
PHẦN XÂY DỰNG			

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	Đào móng bằng máy đào 1,25m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III (tận dụng để đắp)	100m ³	23,545
2	Đắp đất đê, đập, kênh mương bằng máy lu bánh thép 9T, dung trọng ≤1,65T/m ³	100m ³	5,369
3	Tấm bạt lót HDPE dày 0,75mm	100m ²	13,984
4	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M100, đá 2x4, PCB30	m ³	6,295
5	Xây móng bằng gạch đất sét nung 5x10x20cm, dày ≤30cm, vữa XM M75, PCB40	m ³	16,787
6	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,420
7	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	2,098
8	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,213

Có bản vẽ thi công kèm theo.

Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- Có số lượng bản gốc và bản chụp hồ sơ chào giá theo quy định tại điều 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

- Có các thành phần của hồ sơ chào giá theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

- Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (Không áp dụng đối với nhà thầu liên danh).

- Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

- Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

- Không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ chào giá với tư cách là nhà thầu chính.

Nhà thầu có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Đánh giá về năng lực: Kinh nghiệm và tài chính của nhà thầu

1. Nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công thực tế, có tính chất tương tự gói thầu này trong vòng 3 năm gần đây (từ năm 2021- năm 2024). *(Hồ sơ chào giá phải có bản sao y 01 hợp đồng có giá trị $\geq 50\%$ giá trị gói thầu này, biên bản nghiệm thu thanh lý để chứng minh).*

2. Báo cáo tài chính trong 1 năm gần nhất năm 2023, phải có doanh thu ≥ 10 tỷ đồng/năm và được xác nhận của cơ quan thuế. *(Hồ sơ chào giá phải có bản sao y báo cáo tài chính có xác nhận của cơ quan thuế để chứng minh).*

3. Năng lực về kỹ thuật: Số lượng chỉ huy trưởng, kỹ sư hoặc cử nhân xây dựng tại công trình: Phải có ít nhất 03 người có trình độ đại học trở lên, kinh nghiệm ≥ 2 năm, trong đó chỉ huy trưởng phải có chứng chỉ chỉ huy trưởng và đang làm việc tại đơn vị chào thầu *(Gửi kèm bản sao văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ chỉ huy trưởng đã được chứng thực và bản sao được chứng thực của hợp đồng lao động chứng minh đang làm việc tại đơn vị đang chào thầu).*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu khi có báo giá đáp ứng đầy đủ về: Khối lượng, đơn vị, đơn giá, chủng loại, số lượng, thành tiền... như yêu cầu tại Chương II: Phạm vi, yêu cầu của gói thầu quy định.

Mục 4. Xác định giá chào

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu khi bản chào giá có giá thấp nhất, sau khi giảm giá (nếu có) và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của hồ sơ chào giá.

Chương IV: BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: ___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Căn cứ vào yêu cầu phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II, nhà thầu thực hiện bảng tổng hợp chào giá gói thầu, theo quy định của bảng sau:

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x6)
<i>I</i>	<i>Hạng mục 1:</i>					<i>A</i>
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>II</i>	<i>Hạng mục 2: ...</i>					<i>B</i>
...						
....						
Giá chào (A + B + ...) (Kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) Căn cứ theo phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào giá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
☸☸☸

DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: /2024/ HĐ-XD

Gói thầu: NHÀ VĂN PHÒNG, NHÀ BẢO VỆ, NHÀ ĐỂ XE,
CÔNG, HÀNG RÀO, SAN NỀN, SÂN BÃI.

Thuộc dự án đầu tư xây dựng: NHÀ MÁY PHÂN BÓN HỮU CƠ SEPON- GIAI ĐOẠN 1
Địa điểm: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

I. Các căn cứ để ký hợp đồng

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ điều lệ Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị.
- Căn cứ quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày / /2024 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty thương mại Quảng Trị về việc phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh gói thầu: Nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, công, hàng rào, san nền, sân bãi, thuộc dự án Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon – Giai đoạn 1, tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

II. Nội dung hợp đồng

Hôm nay, ngày tháng năm 2024. Chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 01 Phan Bội Châu, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233 3852513 Fax: 0233 3852695

Mã số thuế: 3200042556

Số tài khoản: **3900211010038** tại Ngân hàng No & PTNT Quảng Trị

Do Ông: Chức vụ:

Bên B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

Do ông : Chức vụ:

Sau khi thảo luận hai bên đã nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc thực hiện

Công ty CP Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị (bên A) giao cho Nhà thầu (Bên B) thực hiện thi công hạng mục: Nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, cổng, hàng rào, san nền, sân bãi, thuộc dự án đầu tư xây dựng: Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon – Giai đoạn 1. Tại: KCN Quán Ngang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, theo đúng hồ sơ dự toán thiết kế đã được phê duyệt. Đảm bảo đúng quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 2. Hình thức và giá trị hợp đồng

- Hình thức hợp đồng là: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Giá trị hợp đồng: **đồng (đã bao gồm thuế VAT)**

Bằng chữ:

Điều 3. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện hợp đồng: **90 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng thư bảo lãnh do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi có biên bản nghiệm thu bàn giao gói thầu đưa vào sử dụng và bắt đầu chuyển sang chế độ bảo hành.
- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Điều 5. Tạm ứng và thanh toán

- Sau khi hợp đồng có hiệu lực, trong vòng 10 ngày, bên A sẽ tạm ứng cho bên B **30%** giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là:**đồng** (*Bằng chữ:/.*)
- Căn cứ vào khối lượng thi công thực tế bên B đã hoàn thành, bên A sẽ tiến hành nghiệm thu thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng theo từng giai đoạn hoặc thanh toán một lần sau khi bên B hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hạng mục đưa vào sử dụng. Giá trị nghiệm thu sẽ căn cứ theo khối lượng thực tế được 2 bên xác nhận.
- Bên A sẽ giữ lại 5% tổng giá trị nghiệm thu thực tế bằng tiền mặt để bảo hành công trình.
- Hồ sơ thanh toán: Theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Bên B giao cho bên A 4 bộ hồ sơ thanh quyết toán.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản thông qua ngân hàng của hai bên.

Điều 6. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) và nhà thầu ký xác nhận.

Việc nghiệm thu bàn giao công trình phải thành lập hội đồng nghiệm thu theo đúng quy định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng

Điều 7. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, bị cách ly hoặc ngừng sản xuất vì dịch bệnh theo quyết định của các cơ quan chức năng.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, 2 bên sẽ thỏa thuận để phân chia các khoản chi phí phát sinh.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 11 hợp đồng này

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Bàn giao mặt bằng thi công và các công việc giao thầu theo hợp đồng này cho bên B trước thời hạn khởi công.

- Cung cấp cho bên B các tài liệu và hồ sơ cần thiết liên quan đến công việc thực hiện nội dung của hợp đồng này.

- Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho bên B theo Hợp đồng này quy định

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để giám sát chất lượng, khối lượng thi công và giải quyết kịp thời các vướng mắc cho bên B.

- Tổ chức nghiệm thu khối lượng cho bên B.

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của bên B

- Cung cấp toàn bộ vật tư thi công công trình đúng theo phương án được duyệt, đảm bảo quy cách, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, chủng loại và số lượng.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, an toàn về điện tại khu vực trong quá trình thi công. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả do việc không đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây lắp gây nên.

- Những vướng mắc trở ngại trong thi công phát sinh không lường trước được hoặc do bất khả kháng thì bên B phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên A và phối hợp với bên A bàn bạc giải quyết.

- Lập hồ sơ hoàn công cùng bên A quyết toán công trình sau khi nghiệm thu bàn giao theo đúng quy định hiện hành.

- Lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, phiếu giá thanh toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và theo các quy định đã nêu trong hồ sơ mời thầu tại thời điểm nghiệm thu và thanh toán .

- Tiến hành bảo hành công trình đúng quy định sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 10. Bảo hành công trình

Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho bên A. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, khắc phục khiếm khuyết khi công trình đưa vào vận hành không bình thường do lỗi của bên B gây ra.

Thời hạn bảo hành công trình 12 tháng tính từ ngày bên B bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Điều 11. Điều kiện chung

Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Nếu một trong hai bên đơn phương đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại gây ra cho phía bên kia .

Mọi sửa đổi, bổ sung đều được giải quyết trên tinh thần đàm phán đôi bên cùng có lợi và được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì hai bên thông nhất đệ trình vụ việc lên toà án nhân dân tỉnh Quảng trị để giải quyết. Phán quyết của Toà là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thi hành.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A